

Đề số 1

Thời gian 70 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu 0.125 điểm)

- Tráng phủ lớp carbon cực mỏng lên mặt xơ PA là công nghệ biến tính xơ:  
A. Giảm ma sát  
B. Chống tĩnh điện  
C. Tạo màu đen bền  
D. Kháng khuẩn
- Xơ có độ bền ánh sáng cao nhất trong số xơ PA, PES, Acrylic, Cupro là  
A. Cupro  
B. PA  
C. PES  
D. Acrylic
- Sức căng sợi không đều khi dệt trên máy dệt thoi sẽ dẫn đến  
A. Sọc dọc hoặc ngắn ngang  
B. Ống sợi cứng  
C. Tuột búp sợi  
D. Không ảnh hưởng chất lượng
- Loại liên kết nào trong xơ xenlulo làm cho viscose không thuộc nhóm nhiệt dẻo  
A. Ion  
B. Cộng hoá trị  
C. Hydro  
D. Vandecvan
- Nhựa polyvinyl alcohol (PVA) dùng tạo sợi thu được từ phản ứng  
A. Thủy phân polyvinyl acetate  
B. Phân hủy polyvinyl clorua  
C. Phân hủy polyvinyl acetate  
D. Trùng hợp vinyl alcohol
- Có loại vật liệu dệt được sản xuất bằng cách kéo giãn sợi acetate trong hơi quá nhiệt ở áp suất thường, sau đó xà phòng hóa hết nhóm acetyl. Loại đó có tên là:  
A. Polynosic  
B. HWM (high wet modulus)  
C. Tencel  
D. Fortisan
- Mục đích tạo xoắn cho xơ là  
A. Giảm chiều dài xơ  
B. Thuận lợi cho kéo sợi  
C. Thay đổi tiết diện xơ  
D. Giảm đường kính xơ
- Trên thị trường có loại vật liệu may (vải) có tên vinylon. Đó là sản phẩm của dạng vật liệu  
A. PVC  
B. PVA  
C. PA  
D. PES
- Cặp vật liệu có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt hoặc phương pháp khô là:  
A. Acrylic, HWM  
B. PU đàn hồi, HWM  
C. Lyocell, Acrylic  
D. Acrylic, PU đàn hồi
- Bấm nhiệt là công nghệ hỗ trợ bảo vệ trong khâu dệt, nó có thể áp dụng cho các loại sợi dún từ:  
A. Polyester, viscose  
B. Polyester, polyamit  
C. Polyester, acrylic  
D. Polyamit, acrylic
- Dây vật liệu có nhiệt độ chuyển trạng thái thủy tinh theo hướng giảm dần là  
A. PET, PAN, PA 6.6  
B. PAN, PET, PA 6.6  
C. PA 6.6, PAN, PET  
D. PET, PA 6.6, PAN
- Độ mảnh của tơ đơn trong xơ mảnh khoảng  
A. 0,1 dtex  
B. 0,05 dtex  
C. 3,17 dtex  
D. 1 dtex
- Theo phân loại về tính bền nhiệt, PES thuộc loại xơ  
A. Nhiệt phân  
B. Nhiệt dẻo  
C. Nhiệt cứng  
D. Nhiệt chảy

14. Mặt hàng nào cần thiết phải nhiệt định hình khi hoàn tất
- A. Len pha Viscose  
B. Tơ tằm pha Viscose  
C. Cotton pha len  
D. Polyeste
15. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn cuốn, độ săn sợi trong một búp sợi xe
- A. Dao động không xác định  
B. Tăng dần  
C. Giảm dần  
D. Không thay đổi
16. Nguyên lý hòa tan polyme trực tiếp trong dung môi được áp dụng sản xuất xơ
- A. Viscose  
B. Lyocell  
C. Acetat  
D. Cupro
17. Sản xuất hạt nhựa để tạo xơ được áp dụng cho xơ
- A. Polyurethane đàn hồi  
B. Poly acrylonitrile  
C. Lyocell  
D. Poly ethylene terephthalate
18. Kỹ thuật trộn chất tan vào khối polymer để tạo tơ cho ra sản phẩm có đặc tính:
- A. Xơ rối  
B. Xơ rỗng  
C. Xơ múi  
D. Xơ vi mảnh
19. Khi tạo hình tơ, phương pháp cho tia polyme từ spinneret đi thẳng vào nước có tên là
- A. Phương pháp ướt  
B. Phương pháp khô  
C. Phương pháp trung hòa  
D. Các cách gọi trên chưa chắc đúng
20. Trong số xơ liệt kê dưới đây, xơ có độ bền ma sát thấp nhất là
- A. Polyeste  
B. Spandex  
C. Lyocell  
D. Polyamit
21. Phương pháp tạo dún không kéo giãn và không gia nhiệt là
- A. Air jet  
B. Tở vải  
C. Nhồi hộp  
D. Giả xoắn
22. Sợi polyeste CD (CD-PET) dùng để chỉ xơ polyeste biến tính
- A. Tạo tính chống cháy  
B. Nhuộm được bằng thuốc nhuộm cation  
C. Có độ co thấp  
D. Tạo tính chống dạt
23. Xơ nhân tạo nói chung không cần tẩy trắng, vì
- A. Không có công nghệ tẩy trắng  
B. Tẩy trắng gây giảm bền  
C. Không có loại hóa chất nào tẩy trắng được  
D. Có sẵn độ trắng cần thiết
24. Lycra là một dạng sản phẩm của xơ
- A. Polyacrylic  
B. Polyurethane đàn hồi  
C. Polyeste  
D. Polyamit
25. Khi phân loại các biến tính xơ PES, những tác động công nghệ lên vật liệu dệt như ngâm tẩm hoá chất, nhiệt định hình, giảm trọng,...có thể xếp vào loại
- A. Biến đổi cấu trúc phân tử  
B. Biến đổi cấu trúc xơ  
C. Biến đổi tính năng sử dụng  
D. Biến đổi công nghệ hoàn tất
26. Xơ ở trạng thái kết tinh so với xơ vô định hình có
- A. Dễ nhuộm hơn  
B. Độ bền kéo đứt lớn hơn  
C. Cường lực yếu hơn  
D. Bị hóa chất phá hủy dễ hơn
27. Một trong những xơ nhân tạo ít được sử dụng trong sản xuất thảm là
- A. Poly ethylene terephthalate  
B. Acrylic  
C. Poly trimethyle terephthalate  
D. Polyamit
28. Để phân biệt với tơ phức, có khái niệm chỉ tơ đồng nhất một loại polyme, đó là
- A. Tơ phức  
B. Tơ đơn chất  
C. Tơ đồng nhất  
D. Tơ đơn

29. Loại vật liệu nào dưới đây có thể tạo xơ theo cả hai phương pháp nóng chảy và phương pháp ướt?
- A. Lyocell  
B. Polyeste  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Acrylic
30. Xơ thường, xơ mảnh, xơ siêu mảnh là cách phân nhóm filament theo
- A. Số tơ thành phần trong sợi tơ  
B. Độ óng  
C. Dạng hình học  
D. Độ mảnh của filament
31. Bemberg (BB) là tên gọi khác của loại xơ dệt nào?
- A. Xơ đồng amoniac  
B. HWM (high wet modulus)  
C. Lyocell  
D. Tencel
32. Giải pháp cân bằng xoắn và định hình trong công nghệ xe sợi nhằm
- A. Hạn chế xù lông sợi  
B. Hạn chế dồn xoắn  
C. Tăng độ bền ma sát  
D. Triệt tiêu lõi xoắn ruột gà
33. Muốn tạo được xơ dệt, polyme phải có đặc điểm
- A. Có nhiệt độ nóng chảy cao  
B. Có thể đun nóng chảy mà chưa bị phân hủy  
C. Khối lượng phân tử trong giới hạn cho phép  
D. Hòa tan được trong dung môi
34. Yếu tố quyết định tính chất hóa học của polyme
- A. Phương pháp tạo sợi  
B. Phương pháp sấy khô  
C. Nhóm chức trong polyme  
D. Phương pháp cuốn ống
35. Trong lịch sử phát triển xenlulo tái sinh, giai đoạn phát triển sản xuất nhóm xơ HWM (High Wet Modulus), polynosic và xơ HT (high tenacy) được xếp vào giai đoạn phát triển nào?
- A. Giai đoạn 2  
B. Giai đoạn 3  
C. Giai đoạn 4  
D. Giai đoạn 1
36. Tơ siêu mảnh là tơ có độ mảnh nhỏ hơn
- A. 0,1 dtex  
B. 0,05 dtex  
C. 1 dtex  
D. 3,17 dtex
37. Để ổn định vòng xoắn cho sợi xe, có thể áp dụng nhiều công nghệ định hình, song không thể áp dụng
- A. Nhiệt định hình nén ép  
B. Định hình xông hơi  
C. Định hình bằng dòng điện cao tần  
D. Định hình ngưng với độ ẩm cao
38. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn tở, độ sẵn trong cùng một búp sợi
- A. Không đổi  
B. Dao động bất kỳ  
C. Tăng dần  
D. Giảm dần
39. Theo khả năng hút ẩm, thứ tự xơ hút ẩm từ cao đến thấp là:
- A. PVA, PA, PES, POP  
B. PA, PES, PAN, POP  
C. CV, CTA, CA, PVA  
D. PVA, PVC, CTA, CV
40. Nguyên lý làm xoắn theo phương pháp hoá lý là khống chế đóng rắn hai phía filament không đều nhau. Thực hành phương pháp này là trên đường đồng tụ xơ nhiệt dẻo,
- A. Cho tiếp xúc với bề mặt lạnh  
B. Cho hai dòng khí nóng lạnh thổi ngược nhau  
C. Cho dòng khí lạnh thổi ngang tia dung dịch  
D. Cho dòng khí lạnh thổi ngược dòng
41. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt
- A. PAN, PA  
B. Acetat, Lyocell  
C. Lyocell, đồng amoniac  
D. PAN, BB
42. Nhiệt độ nóng chảy của các xơ xếp theo chiều hướng tăng dần là:
- A. Nylon 6, Nylon 6.6, Paramit  
B. Paramit, Nylon 6, Nylon 6.6  
C. Nylon 6.6, Nylon 6, Paramit  
D. Nylon 6, Paramit, Nylon 6.6

43. Trong sản xuất xơ nhân tạo, nguyên lý nào sau đây không áp dụng tạo hình xơ
- A. Hạ nhiệt dòng tia polyme nóng chảy  
B. Làm bay hơi khối polyme  
C. Trung hoà tác nhân hoà tan  
D. Làm bay hơi dung môi hoà tan
44. Xơ có thương hiệu nào sau đây là xơ poly urethane đàn hồi
- A. Coolmax®  
B. KEVLAR®  
C. LYCRA®  
D. Espol-stretch™
45. Nhận định: (a) Xơ nhân tạo cần độ xoắn để pha với xơ thiên nhiên nên (b) tất cả sản phẩm xơ nhân tạo cắt ngắn đều được làm xoắn trước khi cắt ngắn. Nhận định trên là
- A. Sai vì ý b đúng còn ý a sai  
B. Nhận định đúng  
C. Sai vì ý a và b đều sai  
D. Sai vì ý a đúng còn ý b sai
46. Acrylic không có sản phẩm thương mại dạng
- A. Bó xơ  
B. Filament thường  
C. Filament dún  
D. Stapen (Staple)
47. Tất cả xơ nhân tạo đều qua giai đoạn sản xuất
- A. Kéo giãn sau tạo hình  
B. Làm dún  
C. Hạt nhựa (chip)  
D. Tạo hình bằng spinneret
48. Dải xơ có số phương pháp tạo tơ khả thi tăng dần là
- A. Viscose, acrylic, polyurethane đàn hồi  
B. Polyester, acetate, rayon  
C. Polyamid, acrylic, polyester  
D. Acrylic, rayon, polyamid
49. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp khô
- A. PET, PA  
B. PAN, Lyocell  
C. PAN, PA  
D. PET, Lyocell
50. Trong số xơ sau, xơ không nhuộm được ở nhiệt độ dưới 80 độ C là
- A. PAN  
B. BB  
C. PET  
D. Viscose
51. Tìm ý sai: Xơ nhân tạo phát triển vì
- A. Xơ thiên nhiên không đáp ứng đủ nhu cầu.  
B. Mọi tính chất sử dụng đều tốt hơn xơ thiên nhiên  
C. Có thể tạo tính chất mới, tốt hơn xơ thiên nhiên  
D. Chi phí sản xuất thấp hơn xơ thiên nhiên
52. Kéo sợi có phản ứng mở rộng mạch phân tử áp dụng tạo xơ
- A. Polyurethane đàn hồi  
B. Polyamid  
C. Polyeste  
D. Polyacrylonitrile
53. Xơ mang nhãn hiệu Espol-stretch™ là xơ
- A. PU đàn hồi  
B. Polyeste  
C. Polyamid  
D. Polyacrylic
54. Nếu tất cả các polyme nằm song song với trục tâm xơ ta có
- A. Độ kết tinh lý tưởng  
B. Vô định hình hoàn toàn  
C. Độ đồng tâm lý tưởng  
D. Tất cả đều đúng
55. Thương hiệu sản phẩm xơ polyamid trên thị trường như:
- A. NOMEX®, KEVLAR®  
B. SOLARMAX®, TACTEL®  
C. TACTEL®, NOMEX®  
D. SOLARMAX®, KEVLAR®
56. Hiện tượng vón hạt xơ là đầu xơ nhô trên mặt vải xoắn lại với nhau thành hạt. Biến tính nhằm giảm độ vón hạt trên vải polyester là tác động nhằm
- A. Giảm ứng suất uốn của xơ  
B. Làm giảm độ bền xơ  
C. Làm tăng độ bền xơ  
D. Tăng độ mềm mại xơ

57. Những loại xơ nào sau đây dễ bị dính bết khi nhiệt độ thiết bị kéo sợi tăng cao
- A. PES  
B. Cupro  
C. Viscose  
D. Polynosic
58. Những loại sợi nào được dùng phổ biến trên máy dệt phun nước.
- A. Polynosic  
B. Viscose  
C. Cupro  
D. PES
59. Sau khi tạo xơ acrylic theo phương pháp nào dưới đây thì cần thiết phải rửa sạch hóa chất
- A. Phương pháp khô  
B. Phương pháp ép dòn  
C. Phương pháp nóng chảy  
D. Phương pháp ướt
60. Bấm nhiệt sợi dún là dùng nhiệt dính nhẹ sợi dún cho dính vào nhau, có tác dụng
- A. Tránh tuột sợi khi nhuộm  
B. Tăng độ bền dún  
C. Tránh đứt sợi trong khâu dệt  
D. Tránh xơ lông khi mặc
61. Phương pháp tạo sợi dún được áp dụng phổ biến nhất là:
- A. Dệt-tháo vải  
B. Giả xoắn  
C. Air-jet  
D. Nhồi hộp
62. Lycra và Spandex khác nhau ở chỗ
- A. Cùng là Acrylic nhưng phương pháp tạo xơ khác nhau  
B. Cách gọi tên khác nhau của cùng một loại xơ  
C. Một là Lyocell một là PU đàn hồi  
D. Một là Acrylic một là Lyocell
63. Làm dún theo công nghệ giả xoắn dùng bánh ma sát, lực tác động của bộ bánh ma sát là để
- A. Triệt tiêu xoắn  
B. Duy trì xoắn  
C. Tạo ra xoắn  
D. Tất cả đều sai
64. Nói về quá trình sản xuất xơ xenlulo biến tính, ý nào sau đây là đúng:
- A. Để sản xuất xơ triacetate, trước tiên phải tạo ra diacetate cellulose  
B. Nhựa triacetate cellulose được tạo thành từ diacetate cellulose  
C. Quá trình sản xuất diacetate và triacetate cellulose không liên quan tới nhau  
D. Để sản xuất xơ acetate trước tiên phải tạo ra triacetate cellulose
65. Phương pháp nào thường áp dụng tạo xơ cho polyme nhiệt dẻo
- A. Nung nóng chảy  
B. Hòa tan trong dung môi ở nhiệt độ cao  
C. Phương pháp khô  
D. Hòa tan trong dung môi dễ bay hơi
66. Định hình sợi viscose ở nhiệt độ tốt nhất là (độ C):
- A. 95  
B. 70  
C. 80  
D. 90
67. Đặc tính đàn hồi trong spandex có được là do trong cấu trúc xơ có
- A. Vòng thơm xen kẽ mạch các bon thẳng  
B. Vùng kết tinh xen kẽ vùng vô định hình  
C. Nguyên tử nitơ  
D. Vùng cứng xen kẽ vùng linh động
68. Tác nhân định hình xơ trong phương pháp khô là
- A. Dòng nước lạnh  
B. Dòng nước nóng  
C. Dòng khí nóng  
D. Dòng khí lạnh
69. Để giảm độ vốn hạt xù lông trên mặt vải dệt từ sợi polyeste (spun yarn), xơ polyeste được biến tính theo hướng
- A. Tăng độ bền cơ học  
B. Giảm độ bền cơ học  
C. Tăng khả năng hút ẩm  
D. Tăng tỷ lệ tinh thể
70. Phương pháp nào có thể tạo dún cho xơ phi nhiệt dẻo
- A. Air jet  
B. Nhồi hộp  
C. Tổ vải  
D. Giả xoắn

71. Cặp xơ nào sau đây cùng có tính nhiệt dẻo:
- A. Triacetat, cupro  
B. Viscose, acetat  
C. PES, lyocell  
D. Acetat, triacetat
72. Trong đánh ống sợi nhân tạo, cần lọc tạp bằng phương pháp
- A. Lọc sợi bằng lược  
B. Lọc sợi cơ khí  
C. Lọc điện tử hoặc quang điện tử  
D. Lọc sợi bằng dao
73. Trong công nghệ xe sợi, khi tăng độ xoắn sợi xe thì đặc tính nào luôn đồng biến
- A. Tính đàn hồi  
B. Chiều dài sợi  
C. Đường kính sợi  
D. Độ bền đứt
74. Phương pháp tạo dún xơ cho hình dún cân đối nhất là
- A. Phương pháp air-jet  
B. Phương pháp dệt-tháo  
C. Phương pháp giả xoắn  
D. Phương pháp nhồi hộp
75. Loại vật liệu nào dưới đây không áp dụng tạo xơ theo phương pháp nóng chảy:
- A. Polyeste  
B. Polyurethane đàn hồi  
C. Acrylic  
D. Polyamit
76. Xơ có hai dải polymer hút ẩm và trương nở khác nhau nằm song song cạnh nhau sẽ tạo ra tính chất mới cho xơ, tính chất đó là:
- A. Cân bằng ứng suất khi giãn nở  
B. Tạo độ xoắn giả  
C. Nếp gấp 3 chiều, làm cho xơ xốp  
D. Tính hút ẩm tuyệt vời
77. Xơ PES thuộc nhóm PET và loại xơ polyamit nào dưới đây có một dạng nguyên liệu thành phần giống nhau:
- A. Nylon 6.T  
B. Nylon 6  
C. Nylon 6.6  
D. Nylon 6.10
78. Phương pháp tạo dún nhồi hộp dùng công nghệ
- A. Có gia nhiệt, có kéo giãn  
B. Có gia nhiệt, không kéo giãn  
C. Không gia nhiệt, có kéo giãn  
D. Không gia nhiệt, không kéo giãn
79. Thuật ngữ xơ acrylic chỉ vật liệu chứa
- A. 85% PVA trở lên  
B. 85% PAN trở lên  
C. Không quá 50% PAN  
D. 35% PUE
80. TACTEL® là tên thương mại của một dạng xơ
- A. Polyamit  
B. Acrylic  
C. Lyocell  
D. Polyeste

Hết Đề số 1

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 27/05/12  
GV Đào Duy Thái

ĐỀ SỐ 2

Thời gian 70 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu 0.125 điểm)

1. Yếu tố quyết định tính chất hóa học của polyme
  - A. Phương pháp tạo sợi
  - B. Phương pháp sấy khô
  - C. Nhóm chức trong polyme
  - D. Phương pháp cuốn ống
2. Những loại sợi nào được dùng phổ biến trên máy dệt phun nước.
  - A. Polynosic
  - B. Viscose
  - C. Cupro
  - D. PES
3. Phương pháp tạo sợi dún được áp dụng phổ biến nhất là:
  - A. Dệt-tháo vải
  - B. Giả xoắn
  - C. Air-jet
  - D. Nhồi hộp
4. Làm dún theo công nghệ giả xoắn dùng bánh ma sát, lực tác động của bộ bánh ma sát là để
  - A. Triệt tiêu xoắn
  - B. Duy trì xoắn
  - C. Tạo ra xoắn
  - D. Tất cả đều sai
5. Để giảm độ vón hạt xù lông trên mặt vải dệt từ sợi polyeste (spun yarn), xơ polyeste được biến tính theo hướng
  - A. Tăng tỷ lệ tinh thể
  - B. Tăng độ bền cơ học
  - C. Giảm độ bền cơ học
  - D. Tăng khả năng hút ẩm
6. Trong lịch sử phát triển xenlulo tái sinh, giai đoạn phát triển sản xuất nhóm xơ HWM (High Wet Modulus), polynosic và xơ HT (high tenacy) được xếp vào giai đoạn phát triển nào?
  - A. Giai đoạn 1
  - B. Giai đoạn 2
  - C. Giai đoạn 3
  - D. Giai đoạn 4
7. Tìm ý sai: Xơ nhân tạo phát triển vì
  - A. Xơ thiên nhiên không đáp ứng đủ nhu cầu.
  - B. Mọi tính chất sử dụng đều tốt hơn xơ thiên nhiên
  - C. Có thể tạo tính chất mới, tốt hơn xơ thiên nhiên
  - D. Chi phí sản xuất thấp hơn xơ thiên nhiên
8. Loại liên kết nào trong xơ xenlulo làm cho viscose không thuộc nhóm nhiệt dẻo
  - A. Ion
  - B. Cộng hoá trị
  - C. Hydro
  - D. Vandecvan
9. Sản phẩm của thương hiệu NOMEX® có đặc tính chính là
  - A. Không thấm nước
  - B. Không bắt bụi
  - C. Chịu nhiệt và chống cháy
  - D. Không bị hóa chất phá hủy
10. Giải pháp cân bằng xoắn và định hình trong công nghệ xe sợi nhằm
  - A. Tăng độ bền ma sát
  - B. Triệt tiêu lõi xoắn ruột gà
  - C. Hạn chế xù lông sợi
  - D. Hạn chế dòn xoắn
11. Phương pháp tạo dún xơ cho hình dún cân đối nhất là
  - A. Phương pháp dệt-tháo
  - B. Phương pháp giả xoắn
  - C. Phương pháp nhồi hộp
  - D. Phương pháp air-jet
12. Xơ mang thương hiệu SOLARMAX® là xơ
  - A. Polyeste
  - B. Polyamit
  - C. Polyacrylic
  - D. PVA
13. Nếu tất cả các polyme nằm song song với trục tâm xơ ta có
  - A. Độ đồng tâm lý tưởng
  - B. Độ kết tinh lý tưởng
  - C. Vô định hình hoàn toàn
  - D. Tất cả đều đúng

14. Kéo sợi có phản ứng mở rộng mạch phân tử áp dụng tạo xơ
- A. Polyeste  
B. Polyacrylonitrile  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Polyamit
15. Lycra là một dạng sản phẩm của xơ
- A. Polyurethane đàn hồi  
B. Polyeste  
C. Polyamit  
D. Polyacrylic
16. Sợi polyeste CD (CD-PET) dùng để chỉ xơ polyeste biến tính
- A. Tạo tính chống cháy  
B. Nhuộm được bằng thuốc nhuộm cation  
C. Có độ co thấp  
D. Tạo tính chống dạt
17. Xơ của thương hiệu DACRON là xơ
- A. Polyacrylic  
B. PVC  
C. Polyeste  
D. Polyamit
18. Nhiệt độ nóng chảy của các xơ xếp theo chiều hướng tăng dần là:
- A. Paramit, Nylon 6, Nylon 6.6  
B. Nylon 6.6, Nylon 6, Paramit  
C. Nylon 6, Paramit, Nylon 6.6  
D. Nylon 6, Nylon 6.6, Paramit
19. Acrylic không có sản phẩm thương mại dạng
- A. Bó xơ  
B. Filament thường  
C. Filament dún  
D. Stapen (Staple)
20. Xơ PES thuộc nhóm PET và loại xơ polyamit nào dưới đây có một dạng nguyên liệu thành phần giống nhau:
- A. Nylon 6.10  
B. Nylon 6.T  
C. Nylon 6  
D. Nylon 6.6
21. Mục đích chính của giai đoạn kéo giãn sau tạo hình xơ là:
- A. Tăng bền  
B. Tăng độ xoắn  
C. Tăng chiều dài  
D. Làm nhẹ xơ
22. Xơ của thương hiệu Polarguard® là xơ
- A. Polyamit  
B. Polyeste  
C. PVC  
D. Acrylic
23. Nguyên lý làm quản theo phương pháp hoá lý là khống chế đóng rắn hai phía filament không đều nhau. Thực hành phương pháp này là trên đường đông tụ xơ nhiệt dẻo,
- A. Cho tiếp xúc với bề mặt lạnh  
B. Cho hai dòng khí nóng lạnh thổi ngược nhau  
C. Cho dòng khí lạnh thổi ngang tia dung dịch  
D. Cho dòng khí lạnh thổi ngược dòng
24. Bấm nhiệt là công nghệ hỗ trợ bảo vệ trong khâu dệt, nó có thể áp dụng cho các loại sợi dún từ:
- A. Polyamit, acrylic  
B. Polyester, viscose  
C. Polyester, polyamit  
D. Polyester, acrylic
25. Chọn điều kiện vi khí hậu chấp nhận được cho gian máy kéo sợi trong các điều kiện sau
- A. 20 độ C và 95% ẩm  
B. 60 độ C và 20% ẩm.  
C. 20 độ C và 60% ẩm  
D. 37 độ C và 70% ẩm
26. Tráng phủ lớp carbon cực mỏng lên mặt xơ PA là công nghệ biến tính xơ:
- A. Kháng khuẩn  
B. Giảm ma sát  
C. Chống tĩnh điện  
D. Tạo màu đen bền
27. Tạo xơ theo phương pháp ướt có thể áp dụng cho
- A. PES  
B. Axetat  
C. Triacetat  
D. Acrylic
28. Sợi định hướng hoàn toàn, sợi dún thổi khí lần lượt ký hiệu là:
- A. BCF, DTY  
B. FOY, POY  
C. FOY, ATY  
D. DTY, FOY



29. Định hình sợi viscose ở nhiệt độ tốt nhất là (độ C):  
 A. 95  
 B. 70  
 C. 80  
 D. 90
30. Những loại xơ nào sau đây dễ bị dính bết khi nhiệt độ thiết bị kéo sợi tăng cao  
 A. Viscose  
 B. Polynosic  
 C. PES  
 D. Cupro
31. Khi tạo hình tơ, phương pháp cho tia polyme từ spinneret đi thẳng vào nước có tên là  
 A. Phương pháp trung hòa  
 B. Phương pháp ướt  
 C. Phương pháp khô  
 D. Các cách gọi trên chưa chắc đúng
32. Trong công nghệ xe sợi, khi tăng độ xoắn sợi xe thì đặc tính nào luôn đồng biến  
 A. Đường kính sợi  
 B. Độ bền đứt  
 C. Tính đàn hồi  
 D. Chiều dài sợi
33. Xơ có khả năng chống cháy cao nhất (chậm bắt lửa nhất) là xơ  
 A. PVC  
 B. Cupro  
 C. PVA  
 D. PES
34. Theo khả năng hút ẩm, thứ tự xơ hút ẩm từ cao đến thấp là:  
 A. PVA, PVC, CTA, CV  
 B. PVA, PA, PES, POP  
 C. PA, PES, PAN, POP  
 D. CV, CTA, CA, PVA
35. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn tở, độ xoắn trong cùng một búp sợi  
 A. Giảm dần  
 B. Không đổi  
 C. Dao động bất kỳ  
 D. Tăng dần
36. Hiện tượng vón hạt xơ là đầu xơ nhô trên mặt vải xoắn lại với nhau thành hạt. Biến tính nhằm giảm độ vón hạt trên vải polyester là tác động nhằm  
 A. Tăng độ mềm mại xơ  
 B. Giảm ứng suất uốn của xơ  
 C. Làm giảm độ bền xơ  
 D. Làm tăng độ bền xơ
37. Phương pháp tạo dún không kéo giãn và không gia nhiệt là  
 A. Tở vải  
 B. Nhồi hộp  
 C. Giả xoắn  
 D. Air jet
38. Bấm nhiệt sợi dún là dùng nhiệt dính nhẹ sợi dún cho dính vào nhau, có tác dụng  
 A. Tránh tuột sợi khi nhuộm  
 B. Tăng độ bền dún  
 C. Tránh đứt sợi trong khâu dệt  
 D. Tránh xơ lông khi mặc
39. Lycra và Spandex khác nhau ở chỗ  
 A. Một là Acrylic một là Lyocell  
 B. Cùng là Acrylic nhưng phương pháp tạo xơ khác nhau  
 C. Cách gọi tên khác nhau của cùng một loại xơ  
 D. Một là Lyocell một là PU đàn hồi
40. Dây vật liệu có nhiệt độ chuyển trạng thái thủy tinh theo hướng giảm dần là  
 A. PET, PAN, PA 6.6  
 B. PAN, PET, PA 6.6  
 C. PA 6.6, PAN, PET  
 D. PET, PA 6.6, PAN
41. Xơ thường, xơ mảnh, xơ siêu mảnh là cách phân nhóm filament theo  
 A. Độ ống  
 B. Dạng hình học  
 C. Độ mảnh của filament  
 D. Số tơ thành phần trong sợi tơ
42. Thương hiệu sản phẩm xơ polyamit trên thị trường như:  
 A. NOMEX® , KEVLAR®  
 B. SOLARMAX®, TACTEL®  
 C. TACTEL® , NOMEX®  
 D. SOLARMAX®, KEVLAR®
43. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt  
 A. Acetat, Lyocell  
 B. Lyocell, đồng amoniac  
 C. PAN, BB  
 D. PAN, PA



59. Spinneret có tác dụng
- A. Tăng độ bền cho xơ  
B. Tạo cho khối polyme thành hình dạng của xơ dệt  
C. Đóng rắn khối polyme  
D. Tạo độ kết tinh cho xơ
60. Để ổn định vòng xoắn cho sợi xe, có thể áp dụng nhiều công nghệ định hình, song không thể áp dụng
- A. Nhiệt định hình nén ép  
B. Định hình xông hơi  
C. Định hình bằng dòng điện cao tần  
D. Định hình nguội với độ ẩm cao
61. Tác nhân định hình xơ trong phương pháp khô là
- A. Dòng nước lạnh  
B. Dòng nước nóng  
C. Dòng khí nóng  
D. Dòng khí lạnh
62. Phương pháp nào có thể tạo dún cho xơ phi nhiệt dẻo
- A. Air jet  
B. Nhồi hộp  
C. Tổ vải  
D. Giã xoắn
63. Nhận định: (a) Xơ nhân tạo cần độ xoắn để pha với xơ thiên nhiên nên (b) tất cả sản phẩm xơ nhân tạo cắt ngắn đều được làm xoắn trước khi cắt ngắn. Nhận định trên là
- A. Sai vì ý b đúng còn ý a sai  
B. Nhận định đúng  
C. Sai vì ý a và b đều sai  
D. Sai vì ý a đúng còn ý b sai
64. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn cuốn, độ xoắn trong một búp sợi xe
- A. Dao động không xác định  
B. Tăng dần  
C. Giảm dần  
D. Không thay đổi
65. Loại vật liệu nào dưới đây không áp dụng tạo xơ theo phương pháp nóng chảy:
- A. Polyurethane đàn hồi  
B. Acrylic  
C. Polyamid  
D. Polyeste
66. Dải xơ có số phương pháp tạo tơ khả thi tăng dần là
- A. Polyamid, acrylic, polyester  
B. Acrylic, rayon, polyamid  
C. Viscose, acrylic, polyurethane đàn hồi  
D. Polyester, acetate, rayon
67. Độ mảnh của tơ đơn trong xơ mảnh khoảng
- A. 3,17 dtex  
B. 1 dtex  
C. 0,1 dtex  
D. 0,05 dtex
68. Sợi định hướng một phần, sợi kéo giãn hoàn toàn lần lượt được ký hiệu là
- A. FOY, BCF  
B. BCF, DTY  
C. DTY, FOY  
D. POY, FDY
69. Xơ có hai dải polymer hút ẩm và trương nở khác nhau nằm song song cạnh nhau sẽ tạo ra tính chất mới cho xơ, tính chất đó là:
- A. Cân bằng ứng suất khi giãn nở  
B. Tạo độ xoắn giả  
C. Nếp gấp 3 chiều, làm cho xơ xốp  
D. Tính hút ẩm tuyệt vời
70. Nhựa polyvinyl alcohol (PVA) dùng tạo sợi thu được từ phản ứng
- A. Thủy phân polyvinyl acetate  
B. Phân hủy polyvinyl clorua  
C. Phân hủy polyvinyl acetate  
D. Trùng hợp vinyl alcohol
71. Khi phân loại các biến tính xơ PES, những tác động công nghệ lên vật liệu dệt như ngâm tẩm hoá chất, nhiệt định hình, giảm trọng,...có thể xếp vào loại
- A. Biến đổi cấu trúc xơ  
B. Biến đổi tính năng sử dụng  
C. Biến đổi cấu trúc phân tử  
D. Biến đổi công nghệ hoàn tất
72. Phương pháp tạo dún nhồi hộp dùng công nghệ
- A. Có gia nhiệt, không kéo giãn  
B. Không gia nhiệt, có kéo giãn  
C. Không gia nhiệt, không kéo giãn  
D. Có gia nhiệt, có kéo giãn

73. Xơ có độ bền ánh sáng cao nhất trong số xơ PA, PES, Acrylic, Cupro là  
 A. PES  
 B. Acrylic  
 C. Cupro  
 D. PA
74. Muốn tạo được xơ dệt, polyme phải có đặc điểm  
 A. Hòa tan được trong dung môi  
 B. Có nhiệt độ nóng chảy cao  
 C. Có thể đun nóng chảy mà chưa bị phân hủy  
 D. Khối lượng phân tử trong giới hạn cho phép
75. Trong đánh ống sợi nhân tạo, cần lọc tạp bằng phương pháp  
 A. Lọc sợi bằng lược  
 B. Lọc sợi cơ khí  
 C. Lọc điện tử hoặc quang điện tử  
 D. Lọc sợi bằng dao
76. Cặp xơ nào sau đây cùng có tính nhiệt dẻo:  
 A. Viscose, acetat  
 B. PES, lyocell  
 C. Acetat, triacetat  
 D. Triacetat, cupro
77. Trên thị trường có loại vật liệu may (vải) có tên vinylon. Đó là sản phẩm của dạng vật liệu  
 A. PES  
 B. PVC  
 C. PVA  
 D. PA
78. Có loại vật liệu dệt được sản xuất bằng cách kéo giãn sợi acetate trong hơi quá nhiệt ở áp suất thường, sau đó xà phòng hóa hết nhóm acetyl. Loại đó có tên là:  
 A. Polynosic  
 B. HWM (high wet modulus)  
 C. Tencel  
 D. Fortisan
79. Để phân biệt với tơ phức, có khái niệm chỉ tơ đồng nhất một loại polyme, đó là  
 A. Tơ phức  
 B. Tơ đơn chất  
 C. Tơ đồng nhất  
 D. Tơ đơn
80. Xơ mang nhãn hiệu Espol-stretch™ là xơ  
 A. Polyamid  
 B. Polyacrylic  
 C. PU đàn hồi  
 D. Polyeste

Hết Đề số 2

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 27/05/12  
 GV Đào Duy Thái

ĐỀ SỐ 3

Thời gian 70 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu 0.125 điểm)

- Dãy vật liệu có nhiệt độ chuyển trạng thái thủy tinh theo hướng giảm dần là  
A. PET, PA 6.6, PAN  
B. PET, PAN, PA 6.6  
C. PAN, PET, PA 6.6  
D. PA 6.6, PAN, PET
- Giải pháp cân bằng xoắn và định hình trong công nghệ xe sợi nhằm  
A. Triệt tiêu lõi xoắn ruột gà  
B. Hạn chế xù lông sợi  
C. Hạn chế dòn xoắn  
D. Tăng độ bền ma sát
- Khi tạo hình tơ, phương pháp cho tia polyme từ spinneret đi thẳng vào nước có tên là  
A. Phương pháp ướt  
B. Phương pháp khô  
C. Phương pháp trung hòa  
D. Các cách gọi trên chưa chắc đúng
- Phương pháp tạo dún xơ cho hình dún cân đối nhất là  
A. Phương pháp nhồi hộp  
B. Phương pháp air-jet  
C. Phương pháp dệt-tháo  
D. Phương pháp giả xoắn
- Đặc tính đàn hồi trong spandex có được là do trong cấu trúc xơ có  
A. Vùng kết tinh xen kẽ vùng vô định hình  
B. Nguyên tử nitơ  
C. Vùng cứng xen kẽ vùng linh động  
D. Vòng thơm xen kẽ mạch các bon thẳng
- Những loại sợi nào được dùng phổ biến trên máy dệt phun nước.  
A. Cupro  
B. PES  
C. Polynosic  
D. Viscose
- Để phân biệt với tơ phức, có khái niệm chỉ tơ đồng nhất một loại polyme, đó là  
A. Tơ phức  
B. Tơ đơn chất  
C. Tơ đồng nhất  
D. Tơ đơn
- Định hình sợi viscose ở nhiệt độ tốt nhất là (độ C):  
A. 90  
B. 95  
C. 70  
D. 80
- Xơ có thương hiệu nào sau đây là xơ poly urethane đàn hồi  
A. Espol-stretch™  
B. Coolmax®  
C. KEVLAR®  
D. LYCRA®
- Phương pháp nào thường áp dụng tạo xơ cho polyme nhiệt dẻo  
A. Nung nóng chảy  
B. Hòa tan trong dung môi ở nhiệt độ cao  
C. Phương pháp khô  
D. Hòa tan trong dung môi dễ bay hơi
- Sợi định hướng hoàn toàn, sợi dún thổi khí lần lượt ký hiệu là:  
A. DTY, FOY  
B. BCF, DTY  
C. FOY, POY  
D. FOY, ATY
- Lycra và Spandex khác nhau ở chỗ  
A. Cách gọi tên khác nhau của cùng một loại xơ  
B. Một là Lyocell một là PU đàn hồi  
C. Một là Acrylic một là Lyocell  
D. Cùng là Acrylic nhưng phương pháp tạo xơ khác nhau
- Một trong những xơ nhân tạo ít được sử dụng trong sản xuất thảm là  
A. Poly trimethyle terephthalate  
B. Polyamid  
C. Poly ethylene terephthalate  
D. Acrylic
- Sản xuất hạt nhựa để tạo xơ được áp dụng cho xơ  
A. Lyocell  
B. Poly ethylene terephthalate  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Poly acrylonitrile

15. Xơ của thương hiệu DACRON là xơ
- A. Polyacrylic  
B. PVC  
C. Polyeste  
D. Polyamit
16. Trong sản xuất xơ nhân tạo, nguyên lý nào sau đây không áp dụng tạo hình xơ
- A. Làm bay hơi dung môi hoà tan  
B. Hạ nhiệt dòng tia polyme nóng chảy  
C. Làm bay hơi khối polyme  
D. Trung hoà tác nhân hoà tan
17. Acrylic không có sản phẩm thương mại dạng
- A. Filament dún  
B. Stapen (Staple)  
C. Bó xơ  
D. Filament thường
18. Sợi định hướng một phần, sợi kéo giãn hoàn toàn lần lượt được ký hiệu là
- A. BCF, DTY  
B. DTY, FOY  
C. POY, FDY  
D. FOY, BCF
19. Tạo xơ theo phương pháp nóng chảy có thể áp dụng cho
- A. Polyvinyl clorua  
B. Viscose  
C. Polyamit  
D. Polynosic
20. Tìm ý sai: Xơ nhân tạo phát triển vì
- A. Mọi tính chất sử dụng đều tốt hơn xơ thiên nhiên  
B. Có thể tạo tính chất mới, tốt hơn xơ thiên nhiên  
C. Chi phí sản xuất thấp hơn xơ thiên nhiên  
D. Xơ thiên nhiên không đáp ứng đủ nhu cầu.
21. Xơ có hai dải polymer hút ẩm và trương nở khác nhau nằm song song cạnh nhau sẽ tạo ra tính chất mới cho xơ, tính chất đó là:
- A. Tạo độ xoắn giả  
B. Nếp gấp 3 chiều, làm cho xơ xốp  
C. Tính hút ẩm tuyệt vời  
D. Cân bằng ứng suất khi giãn nở
22. Kéo sợi có phản ứng mở rộng mạch phân tử áp dụng tạo xơ
- A. Polyeste  
B. Polyacrylonitrile  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Polyamit
23. Phương pháp tạo sợi dún được áp dụng phổ biến nhất là:
- A. Air-jet  
B. Nhồi hộp  
C. Dệt-tháo vải  
D. Giãxoắn
24. Trong lịch sử phát triển xenlulo tái sinh, giai đoạn phát triển sản xuất nhóm xơ HWM (High Wet Modulus), polynosic và xơ HT (high tenacy) được xếp vào giai đoạn phát triển nào?
- A. Giai đoạn 2  
B. Giai đoạn 3  
C. Giai đoạn 4  
D. Giai đoạn 1
25. Làm dún theo công nghệ giả xoắn dùng bánh ma sát, lực tác động của bộ bánh ma sát là để
- A. Triệt tiêu xoắn  
B. Duy trì xoắn  
C. Tạo ra xoắn  
D. Tất cả đều sai
26. Nhận định: (a) Xơ nhân tạo cần độ xoắn để pha với xơ thiên nhiên nên (b) tất cả sản phẩm xơ nhân tạo cắt ngắn đều được làm xoắn trước khi cắt ngắn. Nhận định trên là
- A. Sai vì ý a đúng còn ý b sai  
B. Sai vì ý b đúng còn ý a sai  
C. Nhận định đúng  
D. Sai vì ý a và b đều sai
27. Hiện tượng vón hạt xơ là đầu xơ nhô trên mặt vải xoắn lại với nhau thành hạt. Biến tính nhằm giảm độ vón hạt trên vải polyester là tác động nhằm
- A. Làm giảm độ bền xơ  
B. Làm tăng độ bền xơ  
C. Tăng độ mềm mại xơ  
D. Giảm ứng suất uốn của xơ
28. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn cuốn, độ săn sợi trong một búp sợi xe
- A. Giảm dần  
B. Không thay đổi  
C. Dao động không xác định  
D. Tăng dần

29. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt
- A. PAN, PA  
B. Acetat, Lyocell  
C. Lyocell, đồng amoniac  
D. PAN, BB
30. Xơ mang thương hiệu SOLARMAX® là xơ
- A. PVA  
B. Polyeste  
C. Polyamit  
D. Polyacrylic
31. TACTEL® là tên thương mại của một dạng xơ
- A. Acrylic  
B. Lyocell  
C. Polyeste  
D. Polyamit
32. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp khô
- A. PAN, Lyocell  
B. PAN, PA  
C. PET, Lyocell  
D. PET, PA
33. Spinneret có tác dụng
- A. Tạo độ kết tinh cho xơ  
B. Tăng độ bền cho xơ  
C. Tạo cho khối polyme thành hình dạng của xơ dệt  
D. Đóng rắn khối polyme
34. Theo khả năng hút ẩm, thứ tự xơ hút ẩm từ cao đến thấp là:
- A. CV, CTA, CA, PVA  
B. PVA, PVC, CTA, CV  
C. PVA, PA, PES, POP  
D. PA, PES, PAN, POP
35. Loại vật liệu nào dưới đây có thể tạo xơ theo cả hai phương pháp nóng chảy và phương pháp ướt?
- A. Lyocell  
B. Polyeste  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Acrylic
36. Chọn điều kiện vi khí hậu chấp nhận được cho gian máy kéo sợi trong các điều kiện sau
- A. 60 độ C và 20% ẩm.  
B. 20 độ C và 60% ẩm  
C. 37 độ C và 70% ẩm  
D. 20 độ C và 95% ẩm
37. Nguyên lý hòa tan polyme trực tiếp trong dung môi được áp dụng sản xuất xơ
- A. Viscose  
B. Lyocell  
C. Acetat  
D. Cupro
38. Sản phẩm của thương hiệu NOMEX® có đặc tính chính là
- A. Không bị hóa chất phá hủy  
B. Không thấm nước  
C. Không bắt bụi  
D. Chịu nhiệt và chống cháy
39. Xơ của thương hiệu Polarguard® là xơ
- A. Polyamit  
B. Polyeste  
C. PVC  
D. Acrylic
40. Xơ mang nhãn hiệu Espol-stretch™ là xơ
- A. Polyamit  
B. Polyacrylic  
C. PU đàn hồi  
D. Polyeste
41. Cặp vật liệu có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt hoặc phương pháp khô là:
- A. PU đàn hồi, HWM  
B. Lyocell, Acrylic  
C. Acrylic, PU đàn hồi  
D. Acrylic, HWM
42. Tơ siêu mảnh là tơ có độ mảnh nhỏ hơn
- A. 1 dtex  
B. 3,17 dtex  
C. 0,1 dtex  
D. 0,05 dtex
43. Tạo xơ theo phương pháp khô có thể áp dụng cho
- A. PES  
B. Cupro  
C. Viscose  
D. Lyocell

44. Trong số xơ sau, xơ không nhuộm được ở nhiệt độ dưới 80 độ C là  
 A. PET B. Viscose  
 C. PAN D. BB
45. Những loại xơ nào sau đây dễ bị dính bết khi nhiệt độ thiết bị kéo sợi tăng cao  
 A. Polynosic B. PES  
 C. Cupro D. Viscose
46. Dải xơ có số phương pháp tạo tơ khả thi tăng dần là  
 A. Polyamid, acrylic, polyester B. Acrylic, rayon, polyamid  
 C. Viscose, acrylic, polyurethane đàn hồi D. Polyester, acetate, rayon
47. Phương pháp tạo dún nhồi hộp dùng công nghệ  
 A. Không gia nhiệt, có kéo giãn B. Không gia nhiệt, không kéo giãn  
 C. Có gia nhiệt, có kéo giãn D. Có gia nhiệt, không kéo giãn
48. Xơ có khả năng chống cháy cao nhất (chậm bắt lửa nhất) là xơ  
 A. Cupro B. PVA  
 C. PES D. PVC
49. Tráng phủ lớp carbon cực mỏng lên mặt xơ PA là công nghệ biến tính xơ:  
 A. Tạo màu đen bền B. Kháng khuẩn  
 C. Giảm ma sát D. Chống tĩnh điện
50. Xơ thường, xơ mảnh, xơ siêu mảnh là cách phân nhóm filament theo  
 A. Số tơ thành phần trong sợi tơ B. Độ óng  
 C. Dạng hình học D. Độ mảnh của filament
51. Thuật ngữ xơ acrylic chỉ vật liệu chứa  
 A. 35% PUE B. 85% PVA trở lên  
 C. 85% PAN trở lên D. Không quá 50% PAN
52. Loại vật liệu nào dưới đây không áp dụng tạo xơ theo phương pháp nóng chảy:  
 A. Acrylic B. Polyamid  
 C. Polyeste D. Polyurethane đàn hồi
53. Sức căng sợi không đều khi dệt trên máy dệt thoi sẽ dẫn đến  
 A. Tuột búp sợi B. Sọc dọc hoặc ngắn ngang  
 C. Ống sợi cứng D. Không ảnh hưởng chất lượng
54. Xơ ở trạng thái kết tinh so với xơ vô định hình có  
 A. Cường lực yếu hơn B. Bị hóa chất phá hủy dễ hơn  
 C. Dễ nhuộm hơn D. Độ bền kéo đứt lớn hơn
55. Tất cả xơ nhân tạo đều qua giai đoạn sản xuất  
 A. Làm dún B. Hạt nhựa (chip)  
 C. Tạo hình bằng spinneret D. Kéo giãn sau tạo hình
56. Trong số xơ liệt kê dưới đây, xơ có độ bền ma sát thấp nhất là  
 A. Polyamid B. Polyeste  
 C. Spandex D. Lyocell
57. Để ổn định vòng xoắn cho sợi xe, có thể áp dụng nhiều công nghệ định hình, song không thể áp dụng  
 A. Định hình bằng dòng điện cao tần B. Định hình nguội với độ ẩm cao  
 C. Nhiệt định hình nén ép D. Định hình xông hơi
58. Trong đánh ống sợi nhân tạo, cần lọc tạp bằng phương pháp  
 A. Lọc sợi bằng dao B. Lọc sợi bằng lược  
 C. Lọc sợi cơ khí D. Lọc điện tử hoặc quang điện tử



59. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn tử, độ sẵn trong cùng một búp sợi
- A. Giảm dần  
B. Không đổi  
C. Dao động bất kỳ  
D. Tăng dần
60. Thương hiệu sản phẩm xơ polyamit trên thị trường như:
- A. NOMEX®, KEVLAR®  
B. SOLARMAX®, TACTEL®  
C. TACTEL®, NOMEX®  
D. SOLARMAX®, KEVLAR®
61. Mục đích chính của giai đoạn kéo giãn sau tạo hình xơ là:
- A. Tăng độ xoắn  
B. Tăng chiều dài  
C. Làm nhẹ xơ  
D. Tăng bền
62. Lycra là một dạng sản phẩm của xơ
- A. Polyacrylic  
B. Polyurethane đàn hồi  
C. Polyeste  
D. Polyamit
63. Xơ có độ bền ánh sáng cao nhất trong số xơ PA, PES, Acrylic, Cupro là
- A. PES  
B. Acrylic  
C. Cupro  
D. PA
64. Cặp xơ nào sau đây cùng có tính nhiệt dẻo:
- A. Acetat, triacetat  
B. Triacetat, cupro  
C. Viscose, acetat  
D. PES, lyocell
65. Mục đích tạo xoắn cho xơ là
- A. Thay đổi tiết diện xơ  
B. Giảm đường kính xơ  
C. Giảm chiều dài xơ  
D. Thuận lợi cho kéo sợi
66. Sau khi tạo xơ acrylic theo phương pháp nào dưới đây thì cần thiết phải rửa sạch hóa chất
- A. Phương pháp ép đùn  
B. Phương pháp nóng chảy  
C. Phương pháp ướt  
D. Phương pháp khô
67. Bemberg (BB) là tên gọi khác của loại xơ dệt nào?
- A. Lyocell  
B. Tencel  
C. Xơ đồng amoniac  
D. HWM (high wet modulus)
68. Độ mảnh của tơ đơn trong xơ mảnh khoảng
- A. 1 dtex  
B. 0,1 dtex  
C. 0,05 dtex  
D. 3,17 dtex
69. Muốn tạo được xơ dệt, polyme phải có đặc điểm
- A. Hòa tan được trong dung môi  
B. Có nhiệt độ nóng chảy cao  
C. Có thể đun nóng chảy mà chưa bị phân hủy  
D. Khối lượng phân tử trong giới hạn cho phép
70. Bấm nhiệt sợi dún là dùng nhiệt dính nhẹ sợi dún cho dính vào nhau, có tác dụng
- A. Tránh xơ lông khi mặc  
B. Tránh tuột sợi khi nhuộm  
C. Tăng độ bền dún  
D. Tránh đứt sợi trong khâu dệt
71. Tạo xơ theo phương pháp ướt có thể áp dụng cho
- A. PES  
B. Axetat  
C. Triacetat  
D. Acrylic
72. Nếu tất cả các polyme nằm song song với trục tâm xơ ta có
- A. Độ đồng tâm lý tưởng  
B. Độ kết tinh lý tưởng  
C. Vô định hình hoàn toàn  
D. Tất cả đều đúng
73. Loại liên kết nào trong xơ xenlulo làm cho viscose không thuộc nhóm nhiệt dẻo
- A. Hydro  
B. Vandecvan  
C. Ion  
D. Cộng hoá trị

74. Xơ PES thuộc nhóm PET và loại xơ polyamit nào dưới đây có một dạng nguyên liệu thành phần giống nhau:
- A. Nylon 6  
B. Nylon 6.6  
C. Nylon 6.10  
D. Nylon 6.T
75. Tác nhân định hình xơ trong phương pháp khô là
- A. Dòng nước lạnh  
B. Dòng nước nóng  
C. Dòng khí nóng  
D. Dòng khí lạnh
76. Theo phân loại về tính bền nhiệt, PES thuộc loại xơ
- A. Nhiệt chảy  
B. Nhiệt phân  
C. Nhiệt dẻo  
D. Nhiệt cứng
77. Yếu tố quyết định tính chất hóa học của polyme
- A. Phương pháp sấy khô  
B. Nhóm chức trong polyme  
C. Phương pháp cuốn ống  
D. Phương pháp tạo sợi
78. Nguyên lý làm quần theo phương pháp hoá lý là không chế đóng rắn hai phía filament không đều nhau. Thực hành phương pháp này là trên đường đông tụ xơ nhiệt dẻo,
- A. Cho dòng khí lạnh thổi ngang tia dung dịch  
B. Cho dòng khí lạnh thổi ngược dòng  
C. Cho tiếp xúc với bề mặt lạnh  
D. Cho hai dòng khí nóng lạnh thổi ngược nhau
79. Bấm nhiệt là công nghệ hỗ trợ bảo vệ trong khâu dệt, nó có thể áp dụng cho các loại sợi dún từ:
- A. Polyester, viscose  
B. Polyester, polyamit  
C. Polyester, acrylic  
D. Polyamit, acrylic
80. Kỹ thuật trộn chất tan vào khối polymer để tạo tơ cho ra sản phẩm có đặc tính:
- A. Xơ múi  
B. Xơ vi mảnh  
C. Xơ rỗ  
D. Xơ rỗng

Hết Đề số 3

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 27/05/12

GV Đào Duy Thái

ĐỀ SỐ 4

Thời gian 70 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu 0.125 điểm)

- Sức căng sợi không đều khi dệt trên máy dệt thoi sẽ dẫn đến
  - Sọc dọc hoặc ngăn ngang
  - Ống sợi cứng
  - Tuột búp sợi
  - Không ảnh hưởng chất lượng
- Trong số xơ liệt kê dưới đây, xơ có độ bền ma sát thấp nhất là
  - Spandex
  - Lyocell
  - Polyamid
  - Polyeste
- Khi tạo hình tơ, phương pháp cho tia polyme từ spinneret đi thẳng vào nước có tên là
  - Phương pháp trung hòa
  - Phương pháp ướt
  - Phương pháp khô
  - Các cách gọi trên chưa chắc đúng
- Có loại vật liệu dệt được sản xuất bằng cách kéo giãn sợi acetate trong hơi quá nhiệt ở áp suất thường, sau đó xà phòng hóa hết nhóm acetyl. Loại đó có tên là:
  - Polynosic
  - HWM (high wet modulus)
  - Tencel
  - Fortisan
- Tơ siêu mảnh là tơ có độ mảnh nhỏ hơn
  - 1 dtex
  - 3,17 dtex
  - 0,1 dtex
  - 0,05 dtex
- Xơ của thương hiệu Polarguard® là xơ
  - PVC
  - Acrylic
  - Polyamid
  - Polyeste
- Xơ có khả năng chống cháy cao nhất (chậm bắt lửa nhất) là xơ
  - PVA
  - PES
  - PVC
  - Cupro
- Trong công nghệ xe sợi, khi tăng độ xoắn sợi xe thì đặc tính nào luôn đồng biến
  - Chiều dài sợi
  - Đường kính sợi
  - Độ bền đứt
  - Tính đàn hồi
- Trong số xơ sau, xơ không nhuộm được ở nhiệt độ dưới 80 độ C là
  - Viscose
  - PAN
  - BB
  - PET
- Trong đánh ống sợi nhân tạo, cần lọc tạp bằng phương pháp
  - Lọc điện tử hoặc quang điện tử
  - Lọc sợi bằng dao
  - Lọc sợi bằng lược
  - Lọc sợi cơ khí
- Theo phân loại về tính bền nhiệt, PES thuộc loại xơ
  - Nhiệt dẻo
  - Nhiệt cứng
  - Nhiệt chảy
  - Nhiệt phân
- Dãy vật liệu có nhiệt độ chuyển trạng thái thủy tinh theo hướng giảm dần là
  - PET, PA 6.6, PAN
  - PET, PAN, PA 6.6
  - PAN, PET, PA 6.6
  - PA 6.6, PAN, PET
- Tráng phủ lớp carbon cực mỏng lên mặt xơ PA là công nghệ biến tính xơ:
  - Tạo màu đen bền
  - Kháng khuẩn
  - Giảm ma sát
  - Chống tĩnh điện
- Bemberg (BB) là tên gọi khác của loại xơ dệt nào?
  - Xơ đồng amoniac
  - HWM (high wet modulus)
  - Lyocell
  - Tencel

15. Tìm ý sai: Xơ nhân tạo phát triển vì
- A. Chi phí sản xuất thấp hơn xơ thiên nhiên  
 B. Xơ thiên nhiên không đáp ứng đủ nhu cầu.  
 C. Mọi tính chất sử dụng đều tốt hơn xơ thiên nhiên  
 D. Có thể tạo tính chất mới, tốt hơn xơ thiên nhiên
16. Lycra và Spandex khác nhau ở chỗ
- A. Cùng là Acrylic nhưng phương pháp tạo xơ khác nhau  
 B. Cách gọi tên khác nhau của cùng một loại xơ  
 C. Một là Lyocell một là PU đàn hồi  
 D. Một là Acrylic một là Lyocell
17. Xơ PES thuộc nhóm PET và loại xơ polyamit nào dưới đây có một dạng nguyên liệu thành phần giống nhau:
- A. Nylon 6.6  
 B. Nylon 6.10  
 C. Nylon 6.T  
 D. Nylon 6
18. Loại vật liệu nào dưới đây có thể tạo xơ theo cả hai phương pháp nóng chảy và phương pháp ướt?
- A. Polyeste  
 B. Polyurethane đàn hồi  
 C. Acrylic  
 D. Lyocell
19. Một trong những xơ nhân tạo ít được sử dụng trong sản xuất thảm là
- A. Poly ethylene terephthalate  
 B. Acrylic  
 C. Poly trimethyle terephthalate  
 D. Polyamit
20. Lycra là một dạng sản phẩm của xơ
- A. Polyeste  
 B. Polyamit  
 C. Polyacrylic  
 D. Polyurethane đàn hồi
21. Phương pháp tạo dún không kéo giãn và không gia nhiệt là
- A. Air jet  
 B. Tở vải  
 C. Nhồi hộp  
 D. Giả xoắn
22. Nguyên lý hòa tan polyme trực tiếp trong dung môi được áp dụng sản xuất xơ
- A. Acetat  
 B. Cupro  
 C. Viscose  
 D. Lyocell
23. Phương pháp nào thường áp dụng tạo xơ cho polyme nhiệt dẻo
- A. Phương pháp khô  
 B. Hòa tan trong dung môi dễ bay hơi  
 C. Nung nóng chảy  
 D. Hòa tan trong dung môi ở nhiệt độ cao
24. Nói về quá trình sản xuất xơ xenlulo biến tính, ý nào sau đây là đúng:
- A. Quá trình sản xuất diacetate và triacetate cellulose không liên quan tới nhau  
 B. Để sản xuất xơ acetate trước tiên phải tạo ra triacetate cellulose  
 C. Để sản xuất xơ triacetate, trước tiên phải tạo ra diacetate cellulose  
 D. Nhựa triacetate cellulose được tạo thành từ diacetate cellulose
25. Kéo sợi có phản ứng mở rộng mạch phân tử áp dụng tạo xơ
- A. Polyacrylonitrile  
 B. Polyurethane đàn hồi  
 C. Polyamit  
 D. Polyeste
26. Cặp xơ nào sau đây cùng có tính nhiệt dẻo:
- A. Triacetat, cupro  
 B. Viscose, acetat  
 C. PES, lyocell  
 D. Acetat, triacetat
27. Thuật ngữ xơ acrylic chỉ vật liệu chứa
- A. Không quá 50% PAN  
 B. 35% PUE  
 C. 85% PVA trở lên  
 D. 85% PAN trở lên
28. Trên thị trường có loại vật liệu may (vải) có tên vinylon. Đó là sản phẩm của dạng vật liệu
- A. PA  
 B. PES  
 C. PVC  
 D. PVA

29. Tạo xơ theo phương pháp khô có thể áp dụng cho
- A. PES  
C. Viscose
- B. Cupro  
D. Lyocell
30. Loại vật liệu nào dưới đây không áp dụng tạo xơ theo phương pháp nóng chảy:
- A. Acrylic  
C. Polyeste
- B. Polyamit  
D. Polyurethane đàn hồi
31. Những loại sợi nào được dùng phổ biến trên máy dệt phun nước.
- A. Cupro  
C. Polynosic
- B. PES  
D. Viscose
32. Sợi polyeste CD (CD-PET) dùng để chỉ xơ polyeste biến tính
- A. Tạo tính chống dạt  
C. Nhuộm được bằng thuốc nhuộm cation
- B. Tạo tính chống cháy  
D. Có độ co thấp
33. Nguyên lý làm quần theo phương pháp hoá lý là không chế đóng rắn hai phía filament không đều nhau. Thực hành phương pháp này là trên đường đông tụ xơ nhiệt dẻo,
- A. Cho tiếp xúc với bề mặt lạnh  
C. Cho dòng khí lạnh thổi ngang tia dung dịch
- B. Cho hai dòng khí nóng lạnh thổi ngược nhau  
D. Cho dòng khí lạnh thổi ngược dòng
34. Để ổn định vòng xoắn cho sợi xe, có thể áp dụng nhiều công nghệ định hình, song không thể áp dụng
- A. Định hình nguội với độ ẩm cao  
C. Định hình xông hơi
- B. Nhiệt định hình nén ép  
D. Định hình bằng dòng điện cao tần
35. TACTEL® là tên thương mại của một dạng xơ
- A. Polyamit  
C. Lyocell
- B. Acrylic  
D. Polyeste
36. Trong lịch sử phát triển xenlulo tái sinh, giai đoạn phát triển sản xuất nhóm xơ HWM (High Wet Modulus), polynosic và xơ HT (high tenacy) được xếp vào giai đoạn phát triển nào?
- A. Giai đoạn 2  
C. Giai đoạn 4
- B. Giai đoạn 3  
D. Giai đoạn 1
37. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn cuộn, độ săn sợi trong một búp sợi xe
- A. Giảm dần  
C. Dao động không xác định
- B. Không thay đổi  
D. Tăng dần
38. Mục đích chính của giai đoạn kéo giãn sau tạo hình xơ là:
- A. Tăng độ xoắn  
C. Làm nhẹ xơ
- B. Tăng chiều dài  
D. Tăng bền
39. Nhận định: (a) Xơ nhân tạo cần độ xoắn để pha với xơ thiên nhiên nên (b) tất cả sản phẩm xơ nhân tạo cắt ngắn đều được làm quần trước khi cắt ngắn. Nhận định trên là
- A. Sai vì ý a đúng còn ý b sai  
C. Nhận định đúng
- B. Sai vì ý b đúng còn ý a sai  
D. Sai vì ý a và b đều sai
40. Tất cả xơ nhân tạo đều qua giai đoạn sản xuất
- A. Hạt nhựa (chip)  
C. Kéo giãn sau tạo hình
- B. Tạo hình bằng spinneret  
D. Làm dún
41. Dải xơ có số phương pháp tạo tơ khả thi tăng dần là
- A. Viscose, acrylic, polyurethane đàn hồi  
C. Polyamit, acrylic, polyester
- B. Polyester, acetate, rayon  
D. Acrylic, rayon, polyamit
42. Thương hiệu sản phẩm xơ polyamit trên thị trường như:
- A. TACTEL®, NOMEX®  
C. NOMEX®, KEVLAR®
- B. SOLARMAX®, KEVLAR®  
D. SOLARMAX®, TACTEL®

43. Xơ nhân tạo nói chung không cần tẩy trắng, vì
- A. Tẩy trắng gây giảm bền  
B. Không có loại hóa chất nào tẩy trắng được  
C. Có sẵn độ trắng cần thiết  
D. Không có công nghệ tẩy trắng
44. Chọn điều kiện vi khí hậu chấp nhận được cho gian máy kéo sợi trong các điều kiện sau
- A. 20 độ C và 95% ẩm  
B. 60 độ C và 20% ẩm.  
C. 20 độ C và 60% ẩm  
D. 37 độ C và 70% ẩm
45. Trong sản xuất xơ nhân tạo, nguyên lý nào sau đây không áp dụng tạo hình xơ
- A. Làm bay hơi dung môi hoà tan  
B. Hạ nhiệt dòng tia polyme nóng chảy  
C. Làm bay hơi khối polyme  
D. Trung hoà tác nhân hoà tan
46. Yếu tố quyết định tính chất hóa học của polyme
- A. Phương pháp cuốn ống  
B. Phương pháp tạo sợi  
C. Phương pháp sấy khô  
D. Nhóm chức trong polyme
47. Đặc tính đàn hồi trong spandex có được là do trong cấu trúc xơ có
- A. Vùng kết tinh xen kẽ vùng vô định hình  
B. Nguyên tử nitơ  
C. Vùng cứng xen kẽ vùng linh động  
D. Vòng thơm xen kẽ mạch các bon thẳng
48. Khi xe sợi theo nguyên lý xoắn tử, độ xoắn trong cùng một búp sợi
- A. Dao động bất kỳ  
B. Tăng dần  
C. Giảm dần  
D. Không đổi
49. Phương pháp tạo dún nhờ hộp dùng công nghệ
- A. Có gia nhiệt, không kéo giãn  
B. Không gia nhiệt, có kéo giãn  
C. Không gia nhiệt, không kéo giãn  
D. Có gia nhiệt, có kéo giãn
50. Acrylic không có sản phẩm thương mại dạng
- A. Filament dún  
B. Stapen (Staple)  
C. Bó xơ  
D. Filament thường
51. Sản xuất hạt nhựa để tạo xơ được áp dụng cho xơ
- A. Lyocell  
B. Poly ethylene terephthalate  
C. Polyurethane đàn hồi  
D. Poly acrylonitrile
52. Cặp vật liệu có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt hoặc phương pháp khô là:
- A. Lyocell, Acrylic  
B. Acrylic, PU đàn hồi  
C. Acrylic, HWM  
D. PU đàn hồi, HWM
53. Sợi định hướng hoàn toàn, sợi dún thổi khí lần lượt ký hiệu là:
- A. FOY, POY  
B. FOY, ATY  
C. DTY, FOY  
D. BCF, DTY
54. Định hình sợi viscose ở nhiệt độ tốt nhất là (độ C):
- A. 70  
B. 80  
C. 90  
D. 95
55. Xơ có độ bền ánh sáng cao nhất trong số xơ PA, PES, Acrylic, Cupro là
- A. PA  
B. PES  
C. Acrylic  
D. Cupro
56. Mục đích tạo xoắn cho xơ là
- A. Thuận lợi cho kéo sợi  
B. Thay đổi tiết diện xơ  
C. Giảm đường kính xơ  
D. Giảm chiều dài xơ
57. Sợi định hướng một phần, sợi kéo giãn hoàn toàn lần lượt được ký hiệu là
- A. POY, FDY  
B. FOY, BCF  
C. BCF, DTY  
D. DTY, FOY

58. Bấm nhiệt sợi dún là dùng nhiệt dính nhẹ sợi dún cho dính vào nhau, có tác dụng
- A. Tránh tuột sợi khi nhuộm  
B. Tăng độ bền dún  
C. Tránh đứt sợi trong khâu dệt  
D. Tránh xơ lông khi mặc
59. Spinneret có tác dụng
- A. Đóng rắn khối polyme  
B. Tạo độ kết tinh cho xơ  
C. Tăng độ bền cho xơ  
D. Tạo cho khối polyme thành hình dạng của xơ dệt
60. Nhựa polyvinyl alcohol (PVA) dùng tạo sợi thu được từ phản ứng
- A. Phân hủy polyvinyl acetate  
B. Trùng hợp vinyl alcohol  
C. Thủy phân polyvinyl acetate  
D. Phân hủy polyvinyl clorua
61. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp khô
- A. PAN, PA  
B. PET, Lyocell  
C. PET, PA  
D. PAN, Lyocell
62. Nhiệt độ nóng chảy của các xơ xếp theo chiều hướng tăng dần là:
- A. Nylon 6, Nylon 6.6, Paramit  
B. Paramit, Nylon 6, Nylon 6.6  
C. Nylon 6.6, Nylon 6, Paramit  
D. Nylon 6, Paramit, Nylon 6.6
63. Hiện tượng vón hạt xơ là đầu xơ nhô trên mặt vải xoắn lại với nhau thành hạt. Biến tính nhằm giảm độ vón hạt trên vải polyester là tác động nhằm
- A. Tăng độ mềm mại xơ  
B. Giảm ứng suất uốn của xơ  
C. Làm giảm độ bền xơ  
D. Làm tăng độ bền xơ
64. Để phân biệt với tơ phức, có khái niệm chỉ tơ đồng nhất một loại polyme, đó là
- A. Tơ đơn chất  
B. Tơ đồng nhất  
C. Tơ đơn  
D. Tơ phức
65. Mặt hàng nào cần thiết phải nhiệt định hình khi hoàn tất
- A. Polyeste  
B. Len pha Viscose  
C. Tơ tầm pha Viscose  
D. Cotton pha len
66. Muốn tạo được xơ dệt, polyme phải có đặc điểm
- A. Có nhiệt độ nóng chảy cao  
B. Có thể đun nóng chảy mà chưa bị phân hủy  
C. Khối lượng phân tử trong giới hạn cho phép  
D. Hòa tan được trong dung môi
67. Xơ mang nhãn hiệu Espol-stretch<sup>TM</sup> là xơ
- A. Polyeste  
B. Polyamit  
C. Polyacrylic  
D. PU đàn hồi
68. Xơ có thương hiệu nào sau đây là xơ poly urethane đàn hồi
- A. Espol-stretch<sup>TM</sup>  
B. Coolmax®  
C. KEVLAR®  
D. LYCRA®
69. Sản phẩm của thương hiệu NOMEX® có đặc tính chính là
- A. Chịu nhiệt và chống cháy  
B. Không bị hóa chất phá hủy  
C. Không thấm nước  
D. Không bắt bụi
70. Xơ mang thương hiệu SOLARMAX® là xơ
- A. Polyamit  
B. Polyacrylic  
C. PVA  
D. Polyeste
71. Những xơ sau đây có thể áp dụng tạo xơ theo phương pháp ướt
- A. Lyocell, đồng amoniac  
B. PAN, BB  
C. PAN, PA  
D. Acetat, Lyocell
72. Xơ của thương hiệu DACRON là xơ
- A. Polyeste  
B. Polyamit  
C. Polyacrylic  
D. PVC

73. Tạo xơ theo phương pháp ướt có thể áp dụng cho
- A. Triacetat  
C. PES
- B. Acrylic  
D. Axetat
74. Xơ ở trạng thái kết tinh so với xơ vô định hình có
- A. Cường lực yếu hơn  
C. Dễ nhuộm hơn
- B. Bị hóa chất phá hủy dễ hơn  
D. Độ bền kéo đứt lớn hơn
75. Xơ thường, xơ mảnh, xơ siêu mảnh là cách phân nhóm filament theo
- A. Dạng hình học  
C. Số tơ thành phần trong sợi tơ
- B. Độ mảnh của filament  
D. Độ óng
76. Sau khi tạo xơ acrylic theo phương pháp nào dưới đây thì cần thiết phải rửa sạch hóa chất
- A. Phương pháp ép đùn  
C. Phương pháp ướt
- B. Phương pháp nóng chảy  
D. Phương pháp khô
77. Những loại xơ nào sau đây dễ bị dính bết khi nhiệt độ thiết bị kéo sợi tăng cao
- A. Viscose  
C. PES
- B. Polynosic  
D. Cupro
78. Tác nhân định hình xơ trong phương pháp khô là
- A. Dòng khí nóng  
C. Dòng nước lạnh
- B. Dòng khí lạnh  
D. Dòng nước nóng
79. Phương pháp tạo đún xơ cho hình đún cân đối nhất là
- A. Phương pháp giã xoắn  
C. Phương pháp air-jet
- B. Phương pháp nhồi hộp  
D. Phương pháp dệt-tháo
80. Tạo xơ theo phương pháp nóng chảy có thể áp dụng cho
- A. Polyamid  
C. Polyvinyl clorua
- B. Polynosic  
D. Viscose

**Hết Đề số 4**

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 27/05/12  
GV Đào Duy Thái



Đáp án  
Môn GC Sợi Hóa Học  
Tổng số điểm: 10

Phần Trắc nghiệm (mỗi câu 0.125 điểm)

Câu-Đề 1	Câu-Đề 2	Câu-Đề 3	Câu-Đề 4
. 01-B	. 01-C	. 01-B	. 01-A
. 02-D	. 02-D	. 02-C	. 02-B
. 03-A	. 03-B	. 03-D	. 03-D
. 04-C	. 04-B	. 04-C	. 04-D
. 05-A	. 05-C	. 05-C	. 05-C
. 06-D	. 06-B	. 06-B	. 06-D
. 07-B	. 07-B	. 07-D	. 07-C
. 08-B	. 08-C	. 08-C	. 08-A
. 09-D	. 09-C	. 09-D	. 09-D
. 10-B	. 10-D	. 10-A	. 10-A
. 11-A	. 11-A	. 11-D	. 11-A
. 12-D	. 12-B	. 12-A	. 12-B
. 13-B	. 13-B	. 13-D	. 13-D
. 14-D	. 14-C	. 14-B	. 14-A
. 15-C	. 15-A	. 15-C	. 15-C
. 16-B	. 16-B	. 16-C	. 16-B
. 17-D	. 17-C	. 17-A	. 17-C
. 18-A	. 18-D	. 18-C	. 18-B
. 19-D	. 19-C	. 19-C	. 19-B
. 20-C	. 20-B	. 20-A	. 20-D
. 21-A	. 21-A	. 21-B	. 21-A
. 22-B	. 22-B	. 22-C	. 22-D
. 23-D	. 23-A	. 23-D	. 23-C
. 24-B	. 24-C	. 24-A	. 24-B
. 25-C	. 25-C	. 25-B	. 25-B
. 26-B	. 26-C	. 26-A	. 26-D
. 27-B	. 27-D	. 27-A	. 27-D
. 28-D	. 28-C	. 28-A	. 28-D
. 29-C	. 29-B	. 29-A	. 29-D
. 30-D	. 30-C	. 30-C	. 30-A
. 31-A	. 31-D	. 31-D	. 31-B
. 32-B	. 32-D	. 32-A	. 32-C
. 33-C	. 33-A	. 33-C	. 33-A
. 34-C	. 34-B	. 34-C	. 34-B
. 35-A	. 35-A	. 35-C	. 35-A
. 36-A	. 36-C	. 36-B	. 36-A
. 37-A	. 37-D	. 37-B	. 37-A
. 38-D	. 38-C	. 38-D	. 38-D
. 39-A	. 39-C	. 39-B	. 39-A
. 40-A	. 40-A	. 40-D	. 40-B
. 41-A	. 41-C	. 41-C	. 41-A
. 42-A	. 42-B	. 42-C	. 42-D
. 43-B	. 43-D	. 43-D	. 43-C
. 44-C	. 44-B	. 44-A	. 44-C
. 45-D	. 45-D	. 45-B	. 45-C
. 46-C	. 46-B	. 46-C	. 46-D

. 47-D	. 47-A	. 47-D	. 47-C
. 48-A	. 48-A	. 48-D	. 48-C
. 49-B	. 49-A	. 49-D	. 49-A
. 50-C	. 50-D	. 50-D	. 50-A
. 51-B	. 51-D	. 51-C	. 51-B
. 52-A	. 52-B	. 52-A	. 52-B
. 53-B	. 53-B	. 53-B	. 53-B
. 54-A	. 54-C	. 54-D	. 54-A
. 55-B	. 55-B	. 55-C	. 55-C
. 56-B	. 56-D	. 56-D	. 56-A
. 57-A	. 57-D	. 57-C	. 57-A
. 58-D	. 58-B	. 58-D	. 58-C
. 59-A	. 59-B	. 59-A	. 59-D
. 60-C	. 60-A	. 60-B	. 60-C
. 61-B	. 61-C	. 61-D	. 61-D
. 62-B	. 62-A	. 62-B	. 62-A
. 63-B	. 63-D	. 63-B	. 63-C
. 64-D	. 64-C	. 64-A	. 64-C
. 65-A	. 65-B	. 65-D	. 65-A
. 66-B	. 66-C	. 66-D	. 66-C
. 67-D	. 67-B	. 67-C	. 67-A
. 68-C	. 68-D	. 68-A	. 68-D
. 69-B	. 69-C	. 69-D	. 69-A
. 70-A	. 70-A	. 70-D	. 70-A
. 71-D	. 71-B	. 71-D	. 71-C
. 72-C	. 72-A	. 72-B	. 72-A
. 73-B	. 73-B	. 73-A	. 73-B
. 74-B	. 74-D	. 74-D	. 74-D
. 75-C	. 75-C	. 75-C	. 75-B
. 76-C	. 76-C	. 76-C	. 76-D
. 77-A	. 77-C	. 77-B	. 77-C
. 78-B	. 78-D	. 78-C	. 78-A
. 79-B	. 79-D	. 79-B	. 79-D
. 80-A	. 80-D	. 80-C	. 80-A

Hết

TP Hồ chí Minh, ngày 27/05/12